



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

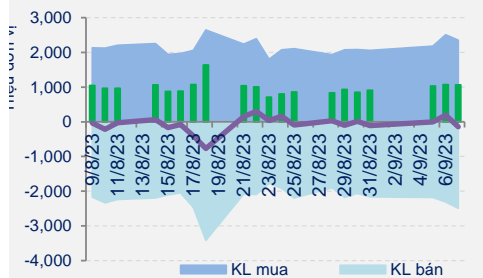
7/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

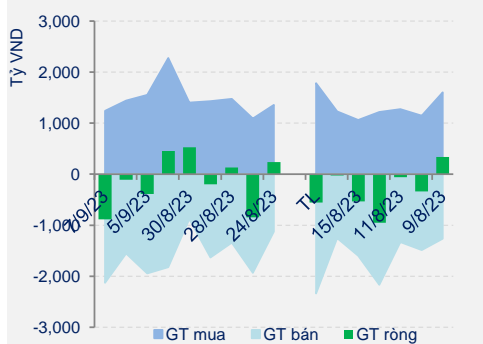
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,243.14	256.14
% Thay đổi	↓ -0.19%	↑ 0.31%
KLGD (CP)	1,062,319,200	120,177,497
GTGD (tỷ đồng)	24,688.00	2,352.27
Tổng cung (CP)	2,493,295,115	191,199,400
Tổng cầu (CP)	2,354,130,729	168,162,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	62,953,328	764,896
KL mua (CP)	30,712,939	792,352
GT mua (tỷ đồng)	1,242.51	23.07
GT bán (tỷ đồng)	2,129.31	17.63
GT ròng (tỷ đồng)	(886.81)	5.44

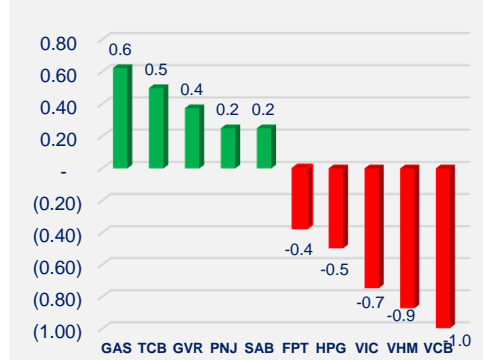
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 06 phiên liên tiếp tăng điểm lên lại vùng đỉnh giá cao nhất tháng 08/2023 quanh 1.246 điểm. VN-INDEX đã chịu áp lực điều chỉnh. Đầu phiên VN-INDEX tiếp tục tạo khoảng trống tăng giá lên vùng 1.250 điểm, sau đó chịu áp lực bán gia tăng. Kết phiên VN-INDEX giảm 2,36 điểm (-0,19%) về mức 1.243,14 điểm. HNX-INDEX vẫn duy trì tăng 0,78 điểm (+0,31%) lên 256,14 điểm để hướng đến vùng giá thấp nhất tháng 06/2022 quanh 263 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực khi áp lực bán ngắn hạn gia tăng nhiều ở vùng giá đỉnh cũ tháng 8 với tổng cộng 361 mã giảm giá (03 mã giảm sàn), 313 mã tăng giá (19 mã tăng trần), và 152 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 27.028,52 tỷ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình của thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, gia tăng bán ròng mạnh trên HOSE với giá trị 886,81 tỷ đồng, trong đó tập trung nhiều ở nhóm thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán, bất động sản, ngân hàng; mua ròng trên HNX với giá trị 5,44 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Bộ Tài chính không đồng ý với đề xuất hỗ trợ 1.000 USD cho người Việt khi mua ô tô điện do ngân sách còn gặp nhiều khó khăn, Nhà nước còn phải cân đối nguồn lực để thực hiện nhiều chương trình, dự án về an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và phát triển cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu VIC (-1,30%) qua đó chịu áp lực điều chỉnh ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chung, VN30. Trong khi nhóm cổ phiếu ngân hàng phân hóa tích cực, đa số mã tăng giá với thanh khoản cải thiện, hỗ trợ cho thị trường chung như NVB (+4,14%), NAB (+3,70%), OCB (+2,42%), TCB (+1,56%)... bên cạnh các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản trên mức trung bình với SSB (-1,26%), VCB (-0,78%), TPB (-0,51%)...

Thị trường phân hóa khá tích cực trong các nhóm ngành với nhóm bất động sản đa số vẫn phục hồi tốt, thu hút dòng tiền với thanh khoản gia tăng mạnh như QCG (+6,32%), NBB (+5,05%), VPH (+4,25%), L14 (+3,62%), NDN (+3,42%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh sau khi tăng mạnh phiên trước với SJS (-1,55%), VHM (-1,43%), HDC (-1,32%)....

Các cổ phiếu dầu khí duy trì xu hướng tăng giá tích cực sau khi giá dầu tăng tiếp tục tăng trước thông tin cắt giảm sản lượng, nổi bật như PSH (+6,61%), PVS (+2,46%), PVD (+1,73%), GAS (+1,38%)... Trong khi đó các nhóm ngành khác đều phân hóa khá tích cực khi dòng tiền vẫn luân chuyển tốt, nhiều mã tăng giá tốt, tịnh khoản cải thiện, các mã chịu áp lực điều chỉnh thì thanh khoản giảm, mức độ điều chỉnh nhẹ, bình thường.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 sau phiên tăng điểm mạnh với tâm lý khá lạc quan đã điều chỉnh giảm 7,8 điểm (-0,62%), chênh lệch trở lại âm -0,02 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng nhẹ, ở mức trung bình, khối lượng mở OI giảm. Cho thấy các vị thế đầu cơ chủ yếu trong phiên tăng. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -2,22 điểm đến -17,72 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng trở lại. Cho thấy các trader đang nghiên về khả năng điều chỉnh ngắn hạn của VN30. Gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro các kỳ hạn lớn ở thị trường phái sinh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Sau 6 phiên tăng điểm liên tiếp và tiệm cận ngưỡng cản ngắn hạn, phiên hôm nay VnIndex đã điều chỉnh như chúng tôi đã nhận định ở phiên trước, chốt phiên Vn-Index giảm nhẹ -2,36 điểm (-0,19%) và đóng cửa ở 1.243,14 điểm. Nhịp hồi phục ngắn hạn gần như đã tiệm cận ngưỡng cản 1.250 điểm và việc VnIndex rung lắc để hình thành nền tích lũy chuẩn bị cho việc vượt ngưỡng cản dài hạn 1.300 điểm là vận động tích cực.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đang giao dịch tại vùng cản ngắn hạn quanh 1.250 điểm và xét theo góc nhìn kỹ thuật rủi ro điều chỉnh, rung lắc ngắn hạn đang dần hiện hữu và nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng trong giao dịch.

Về góc nhìn trung hạn, uptrend của thị trường vẫn duy trì tốt và ở góc độ nào đó nhịp điều chỉnh mạnh vừa qua đã giúp thị trường rũ bỏ và tích lũy lại và tạo nhịp tăng ngắn hạn trước khi đi vào vùng tích lũy mới và diễn biến tiếp theo tại vùng tích lũy này sẽ quyết định xu hướng tiếp theo.

Trong ngắn hạn thị trường tiệm cận ngưỡng kháng cự của Vn-Index quanh 1.250 điểm và đã bắt đầu có tín hiệu rung lắc, rủi ro ngắn hạn đang tăng lên nên nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã được cơ cấu tốt theo như khuyến nghị trong suốt thời gian vừa qua của chúng tôi. Nếu muốn giải ngân thêm nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ nền tích lũy hình thành tiếp theo, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

7/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	48.90	43-45	55-57	41	12.3	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.25	11.5-13	15.5-16	12	4.6	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	30.80	25-27	33-34	22	6.3	-38.6%	-35.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	51.50	46-48	57-59	43	7.9	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
VIC	60.80	61-64	79-82	56	43.3	252.2%	-45.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tu (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	71.2	54.8	74-76	66	29.9%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	34.3	28.05	34-35	32	22.1%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	29.0	29.1	32-33	28	-0.5%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	79.5	72.95	87-89	77	9.0%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.7	30.6	35-37	31	6.7%	Nắm giữ
28/8/23	DTD	30.8	26.8	33-34	29	14.9%	Nắm giữ
28/8/23	VIC	60.8	63.1	79-82	59	-3.6%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Giải ngân vốn đầu tư công 8 tháng đạt hơn 39% kế hoạch

Bộ Tài chính vừa có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn Ngân sách Nhà nước (NSNN) lũy kế 7 tháng, ước thực hiện 8 tháng kế hoạch năm 2023. Về giải ngân vốn kế hoạch năm 2023, báo cáo cho thấy, lũy kế thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/7/2023 là 253.354,9 tỷ đồng, đạt 33,46% kế hoạch và đạt 35,83% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2022 đạt 29,74% kế hoạch và đạt 32,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

Bộ Tài chính bác đề xuất hỗ trợ 1.000 USD cho người mua ô tô điện

Bộ Giao thông Vận tải đề xuất hỗ trợ 1.000 USD cho người mua ô tô điện nhưng Bộ Tài chính nói ngân sách ưu tiên hỗ trợ người nghèo thay vì người thu nhập cao. Trước đó, trong dự thảo Báo cáo đề xuất chính sách hỗ trợ chuyển đổi sang xe ô tô sử dụng điện, năng lượng xanh, Bộ Giao thông Vận tải kiến nghị hỗ trợ 1.000 USD cho người mua ô tô điện. Góp ý dự thảo này, Bộ Tài chính thừa nhận một số quốc gia khác có hỗ trợ tiền cho người tiêu thụ xe điện nhưng chính sách trên không phù hợp với bối cảnh của Việt Nam.

Hà Nội sắp xây tuyến đường 4 làn xe tại huyện Thanh Trì

UBND TP. Hà Nội đã phê duyệt chỉ giới đường đỏ, tỷ lệ 1/500 tuyến đường nối từ đường Phan Trọng Tuệ đến thôn Tả Thanh Oai tại xã Thanh Liệt, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì. UBND TP. Hà Nội vừa ban hành Quyết định số 4387/QĐ-UBND, phê duyệt chỉ giới đường đỏ, tỷ lệ 1/500 tuyến đường nối từ đường Phan Trọng Tuệ đến thôn Tả Thanh Oai tại Xã Thanh Liệt, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì. Theo đó, tuyến đường có chiều dài 2,1km, thuộc địa bàn các xã: Thanh Liệt, Tả Thanh Oai (huyện Thanh Trì, Hà Nội). Điểm đầu giao với tuyến Đường Phan Trọng Tuệ; điểm cuối giao với tuyến đường Vành đai 3,5.

Trung Quốc, Nhật Bản loay hoay ứng phó với đồng USD tăng giá

Giới chức Trung Quốc và Nhật Bản đang loay hoay ứng phó với xu hướng tăng giá của đồng USD, vì sức mạnh của đồng bạc xanh đe dọa đẩy tỷ giá đồng nhân dân tệ và đồng yên xuống mức thấp kỷ lục... Ngày 6/9, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) đặt tỷ giá tham chiếu đồng Nhân dân tệ ở mức cao bất ngờ so với kỳ vọng của thị trường. Động thái này được xem là dấu hiệu mới nhất cho thấy Bắc Kinh đang lo lắng về sự mất giá của nhân dân tệ. Về phía Nhật Bản, một quan chức cấp cao đưa ra cảnh báo mạnh mẽ về sự mất giá của đồng yên, như một nỗ lực để ngăn chặn đà bán tháo ngày càng lớn.



TIN DOANH NGHIỆP

Cổ phiếu Tôn Đông Á (GDA) bật tăng mạnh khi chào sàn UPCoM, nâng vốn hoá lên hơn 4.060 tỷ đồng

Ngày 7/9, hơn 114,69 triệu cổ phiếu của Công ty cổ phần Tôn Đông Á (mã GDA) đã chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM. Tạm tính phiên sáng ngày 7/9, cổ phiếu GDA đã tăng 18% so với giá tham chiếu 30.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng tăng 5.400 đồng, lên 35.400 đồng/cổ phiếu và chạm mốc vốn hoá hơn 4.060 tỷ đồng và lọt vào TOP công ty có vốn hoá lớn trong ngành thép.

7 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận của Thiên Long (TLG) sụt giảm 22% so với cùng kỳ

CTCP Tập đoàn Thiên Long (mã chứng khoán TLG - sàn HOSE) mới công bố tình hình sản xuất kinh doanh tháng 7 và lũy kế 7 tháng đầu năm 2023. Theo đó, trong 7 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần của Thiên Long đạt 2.218 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 55% kế hoạch năm. Lãi sau thuế giảm 22%, về mức 277 tỷ đồng, hoàn thành 69% mục tiêu lợi nhuận năm. Tính riêng tháng 7, Tập đoàn ghi nhận doanh thu thuần đạt 230 tỷ đồng và lãi sau thuế đạt 9 tỷ đồng.

8 tháng đầu năm 2023, Viglacera (VGC) ước tính lãi 1.463 tỷ đồng và vượt 21% kế hoạch năm

Ngày 5/9/2023, Tổng Công ty Viglacera - CTCP (mã VGC – sàn HoSE) tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch những tháng cuối năm 2023. Tổng công ty tháng 8/2023 tiếp tục tăng trưởng, với kết quả lãi 150,9 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch tháng, lũy kế 8 tháng đầu năm 2023 ghi nhận lãi 1.463 tỷ đồng và hoàn thành 121% kế hoạch năm. Riêng lợi nhuận Công ty mẹ đạt 143% kế hoạch tháng 8 và lũy kế 8 tháng đầu năm đạt 117% kế hoạch năm 2023.

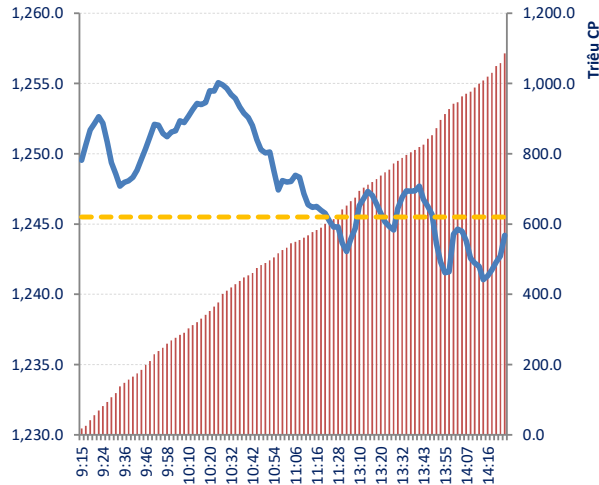
IDJ lãi 47 tỷ đồng nửa đầu năm, giảm 35%

Theo BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2023 của CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam (HNX: IDJ), doanh thu thuần tăng mạnh nhưng lãi ròng giảm đến 35% so với cùng kỳ. Mặt khác, kiểm toán có ý kiến ngoại trừ về khoản tạm ứng trên 200 tỷ đồng. Cụ thể, 6 tháng đầu năm 2023, Công ty mang về 527 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 190% so với cùng kỳ, do ghi nhận doanh thu từ dự án Apec Mandala Wyndham Mũi Né (497 tỷ đồng). Song, lãi sau thuế và lãi ròng lại giảm 35%, còn 47 tỷ đồng.

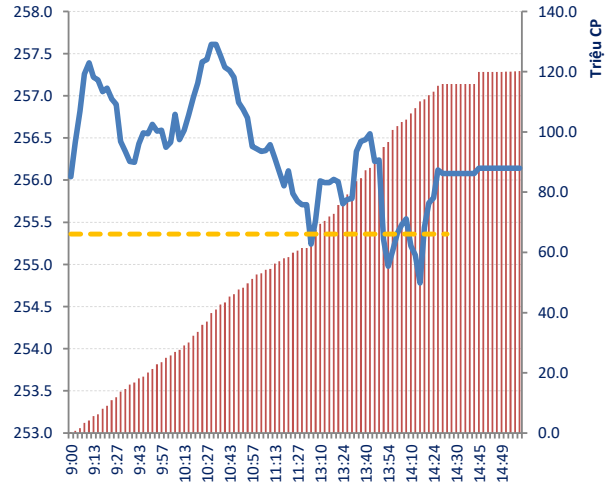


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

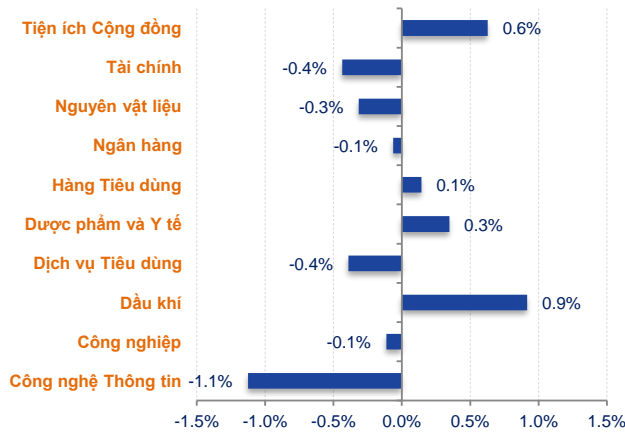
KLGD và VN-Index trong phiên



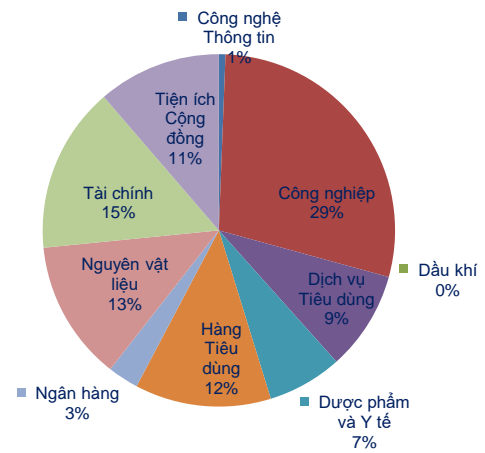
KLGD và HNX-Index trong phiên



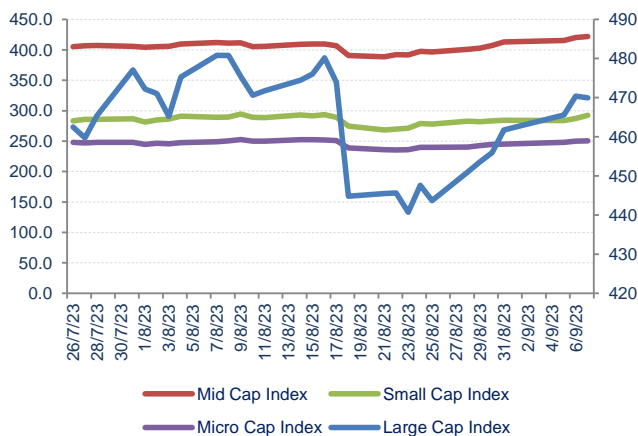
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



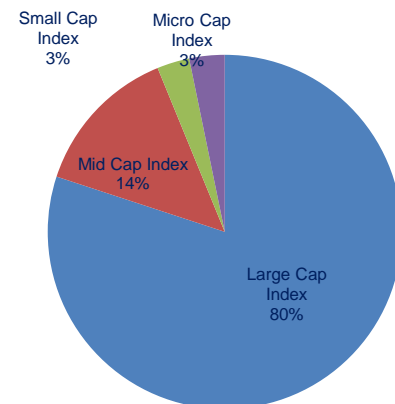
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVD	801,760	HPG	7,579,760	1	PVS	203,500	DTD	120,100
2	MWG	713,153	FUEVFVND	3,310,750	2	SHS	59,735	TNG	110,916
3	OCB	566,600	SSI	2,807,274	3	IDC	57,100	NVB	99,700
4	VNM	525,352	TPB	2,387,300	4	TIG	51,800	MBS	39,890
5	VIX	506,414	VPB	2,135,300	5	HUT	40,700	PSD	38,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	21.80	21.60	↓ -0.92%	44,511,100	SHS	19.10	18.90	↓ -1.05%	13,485,522
SHB	12.65	12.75	↑ 0.79%	37,159,426	CEO	27.50	27.30	↓ -0.73%	10,605,767
BCG	11.60	12.15	↑ 4.74%	36,686,503	PVS	36.60	37.50	↑ 2.46%	10,086,753
HPG	29.00	28.65	↓ -1.21%	33,992,812	IDJ	7.90	8.20	↑ 3.80%	7,359,510
VIX	20.10	19.90	↓ -1.00%	31,460,004	HUT	28.50	27.90	↓ -2.11%	6,726,265

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TN1	17.15	18.35	1.20	↑ 7.00%	VIG	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
DPG	43.15	46.15	3.00	↑ 6.95%	TSB	43.00	47.30	4.30	↑ 10.00%
TTE	13.65	14.60	0.95	↑ 6.96%	NTH	54.00	59.40	5.40	↑ 10.00%
S4A	30.30	32.40	2.10	↑ 6.93%	STC	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
PTL	4.82	5.15	0.33	↑ 6.85%	MAS	29.00	31.90	2.90	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCI	23.25	21.65	-1.60	↓ -6.88%	TPP	10.90	9.90	-1.00	↓ -9.17%
SC5	20.05	18.70	-1.35	↓ -6.73%	SDN	29.90	27.20	-2.70	↓ -9.03%
PMG	9.70	9.05	-0.65	↓ -6.70%	VMS	34.70	31.70	-3.00	↓ -8.65%
HRC	53.80	50.20	-3.60	↓ -6.69%	PTD	11.30	10.50	-0.80	↓ -7.08%
VAF	13.50	12.60	-0.90	↓ -6.67%	SDG	22.50	21.00	-1.50	↓ -6.67%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	44,511,100	-1.3%	(295)	-	1.0
SHB	37,159,426	17.7%	2,183	5.8	1.0
BCG	36,686,503	-0.3%	(90)	-	0.4
HPG	33,992,812	-2.0%	(328)	-	1.7
VIX	31,460,004	7.0%	839	24.0	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	13,485,522	4.3%	507	37.7	1.6
CEO	10,605,767	7.7%	980	28.1	2.2
PVS	10,086,753	7.2%	1,953	18.7	1.3
IDJ	7,359,510	5.8%	656	12.0	0.7
HUT	6,726,265	1.3%	145	197.0	2.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TN1	↑ 7.0%	7.2%	1,599	10.7	0.9
DPG	↑ 7.0%	12.2%	4,267	10.1	1.2
TTE	↑ 7.0%	0.0%	3	4,564.6	1.2
S4A	↑ 6.9%	25.3%	3,808	8.0	2.0
PTL	↑ 6.8%	-22.1%	(1,116)	-	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	↑ 10.0%	6.9%	490	18.4	1.3
TSB	↑ 10.0%	4.7%	550	78.2	3.8
NTH	↑ 10.0%	36.0%	5,999	9.0	3.2
STC	↑ 10.0%	12.0%	2,808	7.1	0.9
MAS	↑ 10.0%	14.5%	932	31.1	4.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	801,760	1.8%	449	58.1	1.0
MWG	713,153	6.6%	1,069	51.5	3.5
OCB	566,600	16.3%	3,041	6.8	1.0
VNM	525,352	23.9%	3,937	20.3	4.6
VIX	506,414	7.0%	839	24.0	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	203,500	7.2%	1,953	18.7	1.3
SHS	59,735	4.3%	507	37.7	1.6
IDC	57,100	20.7%	3,969	12.2	2.6
TIG	51,800	7.6%	1,091	10.9	0.8
HUT	40,700	1.3%	145	197.0	2.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	504,136	23.0%	5,797	15.6	3.3
VHM	243,409	29.1%	10,341	5.4	1.4
BID	239,268	19.0%	4,025	11.8	2.1
VIC	234,938	3.9%	1,395	44.2	1.7
GAS	194,266	20.3%	6,680	15.2	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,494	7.2%	1,953	18.7	1.3
IDC	16,038	20.7%	3,969	12.2	2.6
SHS	15,531	4.3%	507	37.7	1.6
THD	14,014	2.9%	458	79.4	2.3
CEO	14,012	7.7%	980	28.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.62	-0.4%	(63)	-	0.9
EVG	3.81	1.3%	157	44.4	0.6
PTL	3.46	-22.1%	(1,116)	-	1.0
VPH	3.24	0.4%	39	271.4	1.0
LDG	3.22	-5.5%	(692)	-	0.5

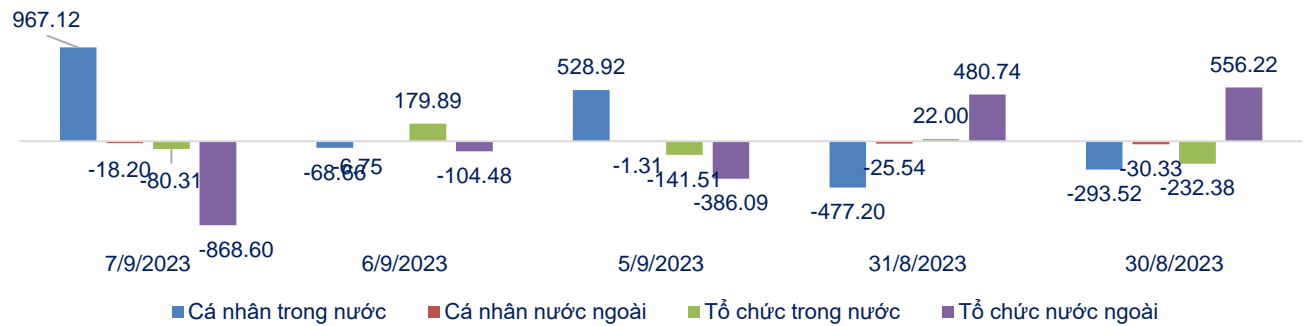
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDG	3.66	-24.7%	(3,031)	-	0.9
VC7	3.36	2.4%	261	112.2	2.7
IDJ	3.35	5.8%	656	12.0	0.7
VC2	3.33	3.9%	562	25.4	1.0
SDA	2.95	-0.3%	(21)	-	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	235.99	-2.0%	(328)	-	1.7
SSI	144.95	7.3%	1,093	31.1	2.3
STB	55.86	17.2%	3,601	9.2	1.5
VIC	55.44	3.9%	1,395	44.2	1.7
VPB	52.88	11.1%	1,728	12.6	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-72.87	23.9%	3,937	20.3	4.6
MWG	-38.37	6.6%	1,069	51.5	3.5
GAS	-29.48	20.3%	6,680	15.2	2.9
CTR	-25.28	29.7%	4,238	19.3	5.6
PVD	-18.76	1.8%	449	58.1	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	3.91	36.6%	10,780	8.4	2.9
FCN	3.55	1.0%	217	78.7	0.8
GIL	2.16	3.8%	1,361	23.7	0.9
PHR	2.12	25.1%	6,545	7.8	2.0
CTG	2.00	15.8%	3,664	8.9	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	-4.67	-2.3%	(327)	-	6.5
VPB	-4.01	11.1%	1,728	12.6	1.4
TPB	-3.49	18.6%	2,686	7.4	1.4
MSN	-2.63	3.6%	920	89.9	3.1
VND	-2.59	3.9%	467	51.4	1.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	94.40	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	31.18	23.9%	3,937	20.3	4.6
CTR	24.47	29.7%	4,238	19.3	5.6
FPT	21.37	22.1%	4,596	21.5	4.4
VCG	18.54	3.6%	672	43.3	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-50.30	7.3%	1,093	31.1	2.3
NLG	-35.77	4.4%	1,492	26.3	1.1
CTG	-33.66	15.8%	3,664	8.9	1.3
ACB	-26.72	24.1%	4,506	5.1	1.4
HDG	-26.54	12.4%	2,739	11.1	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

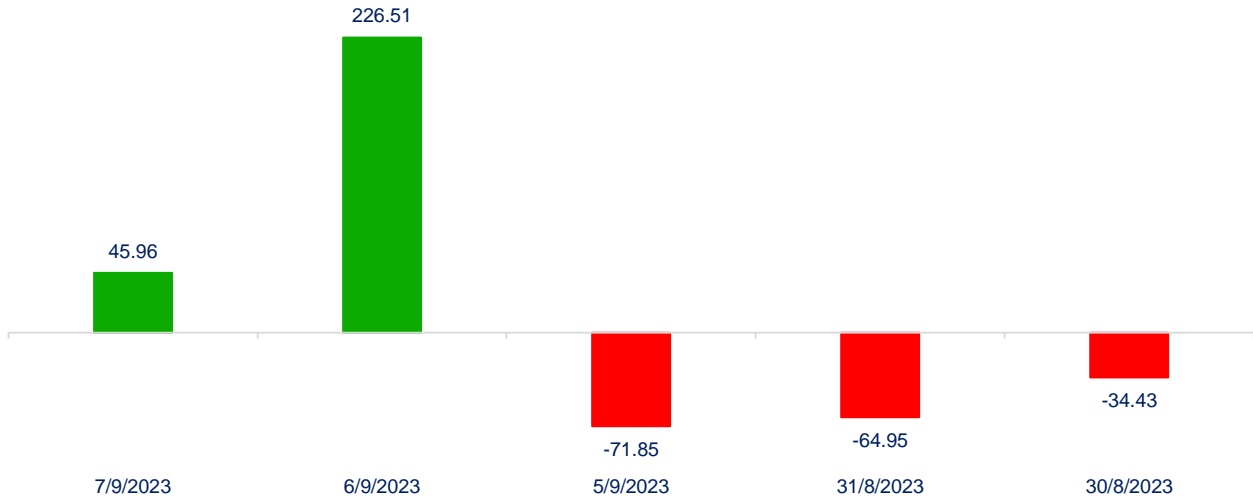
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	43.18	23.9%	3,937	20.3	4.6
MWG	38.98	6.6%	1,069	51.5	3.5
PVD	21.14	1.8%	449	58.1	1.0
GMD	15.02	26.9%	7,583	8.4	2.0
FTS	14.59	7.5%	1,172	35.0	2.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

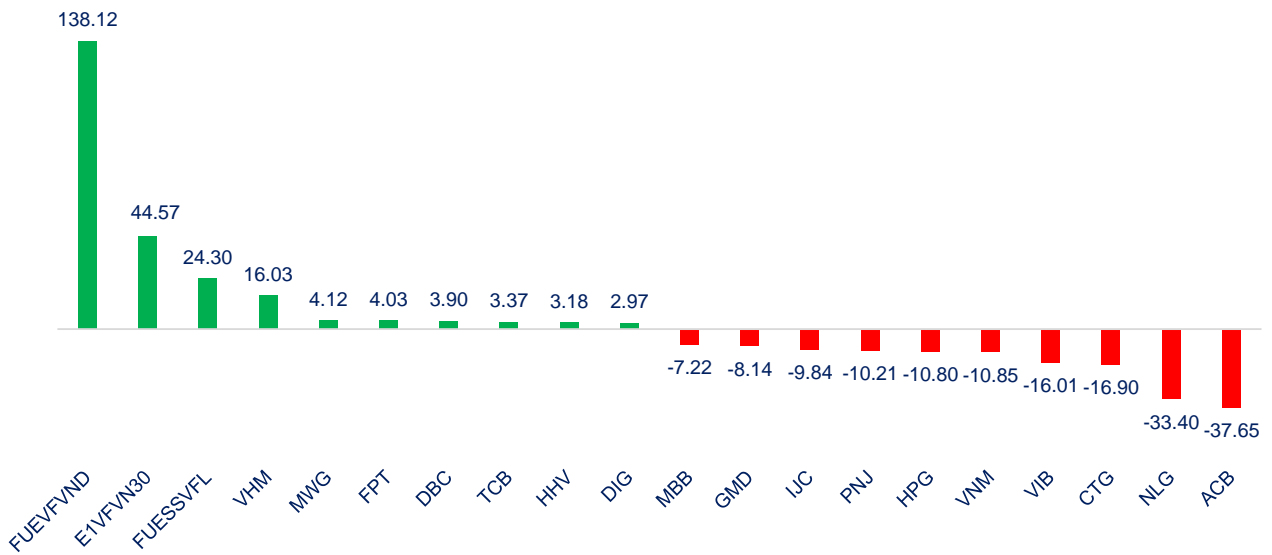
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-217.33	-2.0%	(328)	-	1.7
SSI	-94.37	7.3%	1,093	31.1	2.3
FUEVFVND	-91.71	N/A	N/A	N/A	N/A
VIC	-57.28	3.9%	1,395	44.2	1.7
STB	-49.93	17.2%	3,601	9.2	1.5



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn